TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 6 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Dũng
Bà Bùi Tuấn Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 123/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu Văn T - sinh năm 1969
Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện D, Khánh Hòa.
Ông T có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị T1 - sinh năm 1974
Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện D, Khánh Hòa.
Bà T1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lưu Văn T trình bày:

Ông và bà Vũ Thị T1 chung sống với nhau từ năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D vào năm 1994. Từ khi về chung sống với nhau thì cuộc sống chung của vợ chồng đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, không có tiếng nói chung. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2021, đến nay mặc dù vợ chồng vẫn còn ở chung một nhà nhưng mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, không còn tin tưởng, không quan tâm đến nhau nên cuộc sống không có hạnh phúc. Nay ông xác định không còn tình cảm gì với bà T1, không thể hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Ông và bà T1 có ba con chung là Lưu Thị Thu D, sinh năm 1992; Lưu Hoàng H, sinh năm 2000 và Lưu An Hiền P, sinh ngày 26/3/2006. Các con chung đều trưởng thành, khỏe mạnh nên ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Ông và bà T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có nợ chung với bà T1.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Vũ Thị T1 trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng kí kết hôn bà thống nhất như lời trình bày của ông T. Trong quá trình chung sống bà thừa nhận cuộc sống chung giữa bà với ông T không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Bà xác định không có việc quan hệ tình cảm với người khác như ông T trình bày. Nay ông T xin ly hôn với bà, bà còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn với ông T, bà chỉ đồng ý ly hôn khi vợ chồng thỏa thuận xong việc chia tài sản chung.

Về con chung: Bà và ông T có ba con chung là Lưu Thị Thu D, sinh năm 1992; Lưu Hoàng H, sinh năm 2000 và Lưu An Hiền P, sinh ngày 26/3/2006. Các con chung đều trưởng thành, khỏe mạnh nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung với ông T.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Lưu Văn T được ly hôn với bà Vũ Thị T1. Ông T và bà T1 xác định các con chung Lưu Thị Thu D; Lưu Hoàng H và Lưu An Hiền P đều trưởng thành, khỏe mạnh, không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về án phí: Ông Lưu Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Văn T và và Vũ Thị T1 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/1994 ngày 09/01/1994, đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, giữa ông Lưu Văn T và bà Vũ Thị T1 đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Qua lời trình bày của hai bên cho thấy

cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung; mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông T xác định không còn tình cảm yêu thương đối với bà T1 nên nhất quyết đòi ly hôn, bà T1 xác định còn chút tình cảm nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến đối phương, bà không đồng ý ly hôn với ông T, bà chỉ đồng ý nếu ông T thỏa thuận chia tài sản cho bà. Tuy nhiên bà T1, ông T không yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này nên ý kiến của bà T1 yêu cầu ông T thỏa thuận tài sản chung thì bà mới đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận. Từ những lời trình bày của ông T và bà T1 cho thấy tình cảm giữa ông T và bà T1 thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Lưu Văn T đối với bà Vũ Thị T1 là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Lưu Văn T và bà Vũ Thị T1 xác định 03 con chung là Lưu Thị Thu D, sinh năm 1992; Lưu Hoàng H, sinh năm 2000 và Lưu An Hiền P, sinh ngày 26/3/2006 đều trưởng thành, khỏe mạnh, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ông T và bà T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Ông T và bà T1 xác định không có nợ chung nên không xét.

[5] Về án phí: Ông T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Lưu Văn T được ly hôn với bà Vũ Thị T1.

2. Về con chung: Con chung Lưu Thị Thu D, sinh năm 1992; Lưu Hoàng H, sinh năm 2000 và Lưu An Hiền P, sinh ngày 26/3/2006 đều trưởng thành.

3. Về án phí: Ông Lưu Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001285 ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh nên ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THA dân sự huyện Diên Khánh;
- UBND xã Diên Đồng (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Tuyết Sương